

TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THUY LỢI
DO CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG QUẢN LÝ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-KTTL ngày tháng năm 2018 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

Ngày cập nhật: Ngày 28 tháng 3 năm 2018

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích hữu ích (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
I	Thị xã Gia Nghĩa			7.091,090			6.878,320	97,00		
1	Hồ Nam Đa	Đắk Nia	8,20	1.082,400	Tự do	-0,30	1.069,470	99	Đảm bảo	
2	Hồ Chẽ Biển	Đắk Nia	4,00	689,800	Tự do	-0,01	680,000	99	Đảm bảo	
3	Hồ Fai Koi Poul Đẳng	Đắk Nia	5,40	230,000	Tự do	-0,70	225,010	98	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Noh (Đắk Đỏ)	Đắk Nia	4,70	426,600	Tự do	-0,90	404,020	95	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Cút	Đắk Nia	7,41	790,100	Tự do	-1,27	747,660	95	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2B	Đắk Nia	6,00	355,690	Tự do	-0,42	346,370	97	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk Rial	Đắk Nia	8,40	306,190	Tự do	-1,22	285,930	93	Đảm bảo	
8	Hồ Rẫy Mới	Quảng Thành	3,00	574,500	Tự do	-1,00	568,680	99	Đảm bảo	
9	Hồ Tân Hiệp 1	Đắk R'moan	5,50	772,160	Tự do	-0,75	721,840	93	Đảm bảo	
10	Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú	Nghĩa Phú	5,10	68,900	Tự do	-1,45	60,770	88	Đảm bảo	
11	Hồ Sinh Ba	Nghĩa Trung	3,10	603,750	Cửa van	0,02	605,490	100	Đảm bảo	
12	Hồ Tô 5	Nghĩa Trung	4,00	300,000	Tự do	-0,80	282,190	94	Đảm bảo	
13	Hồ Tô 6	Nghĩa Trung	4,50	286,000	Tự do	-0,70	275,010	96	Đảm bảo	
14	Hồ Đắk Nút	Nghĩa Đức	4,95	605,000	Tự do	0,02	605,880	100	Đảm bảo	
II	Huyện Krông Nô			22.234,310			17.890,250	80,46		
1	Công trình thủy lợi Đắk Rồ	Đắk Đ'rô	18,00	12.230,000	Cửa van	-5,50	9.661,700	79	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Nang	Đắk Nang	3,60	3.600,000	Tự do	-0,80	3.320,870	92	Đảm bảo	
3	Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)	Nam Đà	4,00	3.264,920	Tự do	-1,60	2.709,884	83	Không đảm bảo	
4	Hồ Đắk Hou	Năm N'Dir	1,50	456,900	Tự do	-0,70	429,710	94	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Pok	Năm N'Dir	2,50	846,000	Tự do	-0,80	736,020	87	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mhang	Nam Nung	2,00	695,000	Tự do	-1,70	500,400	72	Đảm bảo	
7	Hồ Buôn Rcấp	Nam Nung	5,10	598,520	Tự do	-2,60	353,127	59	Không đảm bảo	
8	Hồ Buôn Dong	Quảng Phú	3,17	173,870	Tự do	-2,80	67,809	39	Không đảm bảo	
9	Hồ Buôn Lãng	Quảng Phú	7,10	369,100	Tự do	-4,00	110,730	30	Đảm bảo	
10	Trạm Bơm Đắk Rền	Năm N'Dir							Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1	Năm N'Dir				0,40			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1A	Năm N'Dir				Kiệt			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 2	Năm N'Dir				0,40			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 3	Năm N'Dir				0,50			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 4	Năm N'Dir				Kiệt			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 5	Năm N'Dir				Kiệt			Không đảm bảo	
11	Trạm bơm Buôn Choách	Buôn Choách				1,50			Đảm bảo	
12	Trạm bơm D12 Buôn Sục	Quảng Phú				1,50			Đảm bảo	
III	Huyện Đắk Song			12.611,230			11.415,220	90,52		
1	Hồ Đắk Toa	Thuận Hà	5,00	1.717,660	Tự do	-0,90	1.460,011	85	Đảm bảo	
2	Hồ Sinh Muông	Thuận Hạnh	3,00	1.431,000	Tự do	-0,06	1.409,540	99	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Kuál	Đắk N'Drung	7,77	1.230,700	Cửa van	-0,48	1.155,923	94	Đảm bảo	
4	Đập Đắk Nhai	Trường Xuân	8,01	1.064,700	Tự do	-0,70	975,980	92	Đảm bảo	
5	Hồ Cư Prông	Đắk Mol	5,00	115,000	Trần giếng	-1,25	86,814	75	Không đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mol	Đắk Mol	4,50	759,000	Tự do	-0,01	755,000	99	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk RLon	TT Đức An	8,80	907,670	Cửa van	-0,23	885,222	98	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Mruông	TT Đức An	5,70	321,500	Trần giếng	-3,00	177,545	55	Không đảm bảo	
9	CTTL Đắk Lép	Năm N'Jang	7,00	641,800	Tự do	-0,60	590,460	92	Đảm bảo	
10	Thủy lợi Năm N'Jang	Năm N'Jang	4,40	563,950	Cửa van	-0,25	535,180	95	Đảm bảo	
11	Hồ Đắk Pông Bê	Đắk N'Drung	6,80	748,800	Tự do	-0,50	697,510	93	Đảm bảo	
12	Hồ Suối Đá	Đắk N'Drung	4,50	252,000	Tự do	-0,70	203,000	81	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 2	Đắk N'Drung	4,20	145,000	Tự do	-0,03	142,825	99	Đảm bảo	
14	Hồ Thôn 5	Đắk N'Drung	3,20	135,000	Cửa van	-0,53	102,000	76	Không đảm bảo	
15	Hồ Thôn 7 (Bu Bong)	Đắk N'Drung	3,20	114,000	Tự do	-0,52	87,055	76	Không đảm bảo	
16	Hồ Thuận Tân	Thuận Hạnh	6,00	262,000	Tự do	-0,60	239,217	91	Không đảm bảo	
17	Hồ Thuận Thành	Thuận Hạnh	8,70	742,600	Cửa van	-0,64	690,370	93	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk Mrung	Thuận Hạnh	2,70	479,950	Tự do	-0,20	444,398	93	Đảm bảo	
19	Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)	Trường Xuân	4,70	455,900	Trần giếng	-0,70	389,410	85	Không đảm bảo	
20	Hồ Thôn 3	Trường Xuân	5,30	249,500	Tự do	-1,50	184,090	74	Không đảm bảo	
21	CTTL Đắk Cai	Trường Xuân	3,90	273,500	Tự do	-1,20	203,670	74	Không đảm bảo	
IV	Huyện Tuy Đức			13.566,020			11.844,106	87,31		
1	Hồ Đắk R'Tih	Đắk R'Tih	6,00	2.224,000	Tự do	-0,10	2.193,700	99	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Buk So	Đắk Buk Sor	3,53	1.081,000	Tự do	-1,10	852,640	79	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Ría	Đắk R'Tih	3,60	1.049,000	Tự do	-1,30	923,036	88	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Ké	Quảng Trục	4,70	313,300	Tự do	-0,60	272,500	87	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Huýt	Quảng Trục	8,40	390,000	Tự do	-1,20	290,520	74	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Biêng	Đắk R'Tih	3,20	709,000	Cửa van	0,40	709,000	100	Không đảm bảo	
7	Đập Bon Đắk Bu Lum	Quảng Trục	5,50	138,470	Tự do	-1,35	89,870	65	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Ké 2	Quảng Trục	6,90	403,700	Tự do	-1,40	287,500	71	Không đảm bảo	
9	Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)	Quảng Trục	5,00	107,900	Tự do	0,00	107,900	100	Đảm bảo	
10	Hồ Đoàn Văn	Đắk R'Tih	3,90	728,400	Tự do	-1,90	291,400	40	Không đảm bảo	
11	Đập Đắk Bu Rley	Đắk R'Tih	5,00	115,520	Tự do	0,00	115,520	100	Đảm bảo	
12	Hồ Đắk BLung	Đắk Buk Sor	5,70	562,300	Tự do	-0,60	442,360	79	Đảm bảo	
13	Đập Đắk Glun 1	Đắk Ngo	7,13	460,800	Tự do	-0,15	443,700	96	Đảm bảo	
14	Đập Đắk Glun 2	Đắk Ngo	8,00	460,800	Tự do	-0,20	440,000	95	Đảm bảo	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích hữu ích (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
15	Đập Đắk Glun 3	Đắk Ngo	8,00	562,500	Tự do	-0,10	551,000	98	Đảm bảo	
16	Đập Đắk Rma	Đắk Buk Sor	3,90	335,800	Tự do	-0,01	332,000	99	Đảm bảo	
17	Đập Đắk Huýt 4	Quảng Trục	4,30	377,830	Tự do	-0,40	313,830	83	Đảm bảo	
18	Đập D2	Quảng Trục	7,00	815,000	Tự do	0,00	815,000	100	Đảm bảo	
19	Hồ Số 1	Đắk Ngo	4,58	650,000	Tự do	-0,35	585,000	90	Đảm bảo	
20	Hồ Số 2	Đắk Ngo	48,39	287,000	Tự do	-1,10	229,600	80	Đảm bảo	
21	Hồ Số 3	Đắk Ngo	5,06	311,000	Tự do	-1,45	248,800	80	Đảm bảo	
22	Hồ Số 4	Đắk Ngo	5,00	252,000	Tự do	-0,65	201,600	80	Đảm bảo	
23	Hồ Đắk Tiên Tranh	Đắk Buk So	4,10	1.230,700	Tự do	-1,00	1.107,630	90	Đảm bảo	
V	Huyện Đắk RLấp			26.907,690			24.906,078	92,56		
1	Hồ Đắk RTang	Kiến Thành	4,00	1.340,000	Tự do	-0,70	1.247,080	93	Đảm bảo	
2	Hồ Thôn 2 (Đắk Sin)	Đắk Sin	3,80	1.213,250	Cửa van	-0,84	1.114,360	92	Đảm bảo	
3	Hồ Cầu Tư	Nghĩa Thắng	5,00	7.960,000	Tự do	-3,30	6.960,950	87	Đảm bảo	
4	Hồ Nhân Cơ	Nhân Cơ	4,50	452,000	Cửa van	-0,40	424,390	94	Đảm bảo	
5	Đập Quảng Lộc	Đạo Nghĩa	9,10	1.103,000	Tự do	-0,30	1.084,420	98	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Cơn	Đạo Nghĩa	4,80	773,810	Tự do	-0,40	732,370	95	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk Sinh (Hồ thôn 5)	Đắk Sin	3,50	1.164,440	Tự do	0,00	1.164,440	100	Đảm bảo	
8	Thủy lợi Bàu Muối	Nhân Đạo	4,84	938,900	Tự do	-1,50	843,000	90	Đảm bảo	
9	Hồ Đắk Nêr	Nhân Đạo	6,10	1.000,700	Tự do	-0,10	993,820	99	Đảm bảo	
10	Hồ Thôn 11	Nhân Cơ	6,50	461,300	Tự do	-0,23	456,410	99	Đảm bảo	
11	Hồ Số 3	Nhân Cơ	5,40	183,600	Tự do			0	Đảm bảo	
12	Hồ Thôn 12	Nhân Cơ	6,50	403,030	Tự do	-0,25	395,790	98	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 5	Đắk Sin	4,80	702,070	Tự do	-0,10	696,627	99	Đảm bảo	
14	Đập Thôn 5	Đắk Sin	6,90	745,000	Tự do	-0,65	695,030	93	Đảm bảo	
15	Hồ Đắk Sin	Đắk Sin	3,40	686,060	Tự do	-0,90	628,406	92	Đảm bảo	
16	Hồ Đắk Biao	TT Kiến Đức	4,00	264,480	Tự do	-0,28	251,990	95	Đảm bảo	
17	Thủy lợi Đa Dung	TT Kiến Đức	8,60	289,400	Tự do	-0,72	279,143	96	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk RMur	Nhân Đạo	6,90	764,350	Tự do	-0,85	718,200	94	Đảm bảo	
19	Hồ Đắk Rsung	Nhân Đạo	5,40	494,000	Tự do	-0,05	491,000	99	Đảm bảo	
20	Hồ Bon Pi Nao	Nhân Đạo	6,77	916,700	Tự do	-1,20	834,910	91	Đảm bảo	
21	Hồ Sa Da Co	Quảng Tín	6,00	350,000	Tự do	0,00	350,000	100	Đảm bảo	
22	Hồ Thôn 9 Quảng Tín	Quảng Tín	6,60	517,000	Tự do	0,05	517,000	100	Đảm bảo	
23	Thủy lợi Đắk Xá	Quảng Tín	4,10	408,100	Tự do	-0,70	378,510	93	Đảm bảo	
24	Hồ Đắk Ru I	Đắk Ru	3,20	422,000	Tự do	0,00	422,000	100	Đảm bảo	
25	Hồ Đắk Ru II	Đắk Ru	6,00	458,900	Tự do	-0,60	443,880	97	Đảm bảo	
26	Hồ Đắk Tát	Hưng Bình	5,00	544,000	Tự do	-0,80	488,234	90	Đảm bảo	
27	Đập thôn 8 Đắk Sin	Hưng Bình	4,30	418,100	Cửa van	-0,50	396,518	95	Đảm bảo	
28	Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)	Kiến Thành	6,60	610,300	Tự do	-0,30	596,540	98	Đảm bảo	
29	Hồ Thôn 2	Quảng Tín	4,00	120,000	Tự do	0,10	120,000	100	Đảm bảo	
30	Hồ Bon Bu Ja Rá	Nghĩa Thắng	5,40	494,000	Tự do	0,10	494,000	100	Đảm bảo	
31	Hồ Đắk Krung	Đắk Wer	1,70	532,000	Tự do	-0,25	513,320	96	Đảm bảo	
32	Đập Đắk Jeng Tung	Kiến Thành	5,50	177,200	Cửa van	-0,20	173,74	98	Đảm bảo	
VI	Huyện Đắk GLong			11.656,600			10.104,080	86,68		
1	Hồ Thủy điện	Quảng Sơn	3,50	1.200,000	Tự do	0,02	1.200,000	100	Đảm bảo	
2	Hồ Công ty 847	Quảng Sơn	4,00	1.098,450	Tự do	-0,80	967,250	88	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Hlang	Quảng Khê	7,70	524,170	Tự do	-0,60	468,970	89	Đảm bảo	
4	Hồ Trường Học	Quảng Khê	2,50	190,000	Tự do	0,05	190,000	100	Đảm bảo	
5	Nao Ma A	Quảng Khê	9,60	568,800	Tự do	-0,85	519,500	91	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2 (Nao Kon Dơi)	Quảng Khê	2,17	410,300	Tự do	0,00	410,300	100	Đảm bảo	
7	Hồ Thôn 4	Quảng Khê	8,50	356,320	Tự do	-0,70	310,820	87	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Srê	Quảng Khê	4,30	732,900	Tự do	-1,10	527,200	72	Đảm bảo	
9	Hồ Thôn 3	Quảng Khê	2,00	350,000	Tự do	0,00	350,000	100	Đảm bảo	
10	CTTL N'Jer	Quảng Khê	8,27		Tự do	-0,65			Đảm bảo	
11	Hồ Băc Rai	Quảng Khê	3,50		Tự do	-0,90			Đảm bảo	
12	Hồ Bi Zê Rê	Đắk Som	8,00	332,700	Tự do	-0,70	290,700	87	Đảm bảo	
13	Hồ BDong	Đắk Som	2,50	400,000	Tự do	0,00	400,000	100	Đảm bảo	
14	Thủy lợi Thôn 5	Đắk Som	8,40	241,400	Tự do	-3,60	93,800	39	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
15	Hồ Chum Ia	Đắk Som	3,00		Tự do	-0,02			Đảm bảo	
16	Hồ Thôn I	Đắk Ha	7,80	84,000	Tự do	-0,65	71,000	85	Đảm bảo	
17	Hồ Đắk Bông	Đắk Ha	8,10	165,120	Tự do	-0,45	151,170	92	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk Ha	Đắk Ha	8,00	691,000	Tự do	-1,20	601,000	87	Đảm bảo	
19	Hồ Đắk R'Tiêng	Đắk Ha	8,30	169,340	Tự do	-0,55	151,690	90	Đảm bảo	
20	Hồ Trảng Ba	Đắk Ha	4,50	270,000	Tự do	-2,65	189,000	70	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
21	Hồ Đắk Snao	Đắk R'măng	2,90	594,800	Tự do	-0,25	538,050	90	Đảm bảo	
22	Hồ Dà Hang Lang	Đắk R'măng	3,50		Tự do	-0,40			Đảm bảo	
23	Hồ Đeo 52(Hồ 831)	Quảng Sơn	6,50	240,000	Tự do	-1,69	146,880	61	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
24	Hồ Đắk Snao 1(Hồ 882A)	Quảng Sơn	3,00	560,250	Tự do	-1,90	368,350	66	Đảm bảo	
25	Hồ Đắk Snao 2(Hồ 882B)	Quảng Sơn	7,90	145,000	Tự do	-1,70	89,800	62	Đảm bảo	
26	Hồ Đắk Snao 3	Quảng Sơn	3,50	620,520	Tự do	-0,05	614,850	99	Đảm bảo	
27	Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar	Quảng Sơn	8,06	625,500	Tự do	-1,20	479,100	77	Đảm bảo	
28	Thủy lợi Đắk Nder 2	Quảng Sơn	3,80	456,030	Tự do	-0,39	389,810	85	Đảm bảo	
29	Hồ Km41	Quảng Sơn	2,50	370,000	Tự do	-0,20	337,600	91	Đảm bảo	
30	Hồ Ba Trong	Quảng Sơn	2,00	260,000	Tự do	-0,22	247,240	95	Đảm bảo	
VII	Huyện Đắk Mĩl			20.262,220			13.862,594	68,42		
1	Công trình hồ Đắk Săk	Đức Minh	10,00	7.747,500	Tự do	-2,35	5.445,675	70	Đảm bảo	
2	Hồ Tây	TT Đắk Mĩl	3,85	2.830,480	Tự do	-0,73	2.223,050	79	Đảm bảo	
3	Hồ Núi lửa	Thuận An	4,00	620,000	Tự do	-1,91	238,503	38	Không đảm bảo	Cuối vụ
4	Công trình Đập Đắk Puer	Thuận An	4,00	350,000	Cửa van	-2,10	142,100	41	Không đảm bảo	Cuối vụ
5	Công trình Đập Đắk Goun thượng	Thuận An	5,20	498,000	Cửa van	-1,90	254,654	51	Đảm bảo	
6	Công trình Đập Yok Lom	Thuận An	6,55	513,960	Tự do	-1,17	400,933	78	Đảm bảo	
7	Công trình Đập Jun Juh	Đức Minh	3,40	618,680	Cửa van	-1,15	192,935	31	Đảm bảo	
8	Công trình hồ Đắk Sai	Đắk Lao	8,00	133,400	Cửa van	-2,63	87,850	66	Đảm bảo	
9	Công trình hồ Đắk Mбай	Đắk Lao	4,56	91,600	Cửa van	-3,80	35,682	39	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
10	Công trình hồ Đắk Ken (6B)	Đắk Lao	3,00	30,000	Tự do	-0,52	20,501	68	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 2,3,4
11	Công trình hồ Đắk Loou	Đắk Lao	8,50	55,000	Tự do	<MNC	7,300	13	Hết nước	Cà phê thiếu đợt 3,4

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích hữu ích (10^3m^3)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10^3m^3)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
12	Công trình Đắc Rla	Đắc N'DRót	4,00	165,000	Tự do	-1,60	72,200	44	Đảm bảo	
13	Công trình Đô Ry I	Đắc Rla	8,00	283,500	Cửa van	-1,60	197,440	70	Đảm bảo	
14	Công trình Đô Ry II	Đắc Rla	12,70	1.314,050	Cửa van	-2,65	937,077	71	Đảm bảo	
15	Công trình Đắc NDRót	Đắc N'DRót	7,50	220,000	Tự do	-3,15	97,880	44	Đảm bảo	
16	Công trình Đắc Láp	Đắc Gắn	4,00	165,000	Tự do	-2,33	42,617	26	Đảm bảo	
17	Công trình Đắc Goun	Đắc N'DRót	3,70	192,300	Cửa van	-2,10	76,847	40	Đảm bảo	
18	Công trình thủy lợi Mạnh Tiến	Đức Mạnh	2,50	50,000	Cửa van	-0,18	43,059	86	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
19	Công trình hồ Vạn Xuân	TT Đắc Mil	3,00	37,500	Tự do	1,52	18,741	50	Không đảm bảo	
20	Đập ông Truyền	Đức Minh	2,00	30,000	Tự do	-0,98	7,803	26	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
21	Đập ông Hiến	Đức Minh	3,00	30,000	Tự do	-1,42	8,321	28	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
22	Hồ E29	Đắc Sắk	2,00	720,000	Tự do	0,01	720,000	100	Đảm bảo	
23	Đập Sapa (Hồ đội 3)	Thuận An	2,00	45,000	Tự do	-0,20	39,200	87	Đảm bảo	
24	Hồ Bu Đắc	Thuận An	4,00	475,000	Tự do	-0,90	350,125	74	Đảm bảo	
25	Hồ Nông trường Thuận An	Thuận An	7,00	315,000	Tự do	-2,82	112,323	36	Đảm bảo	
26	Hồ Lâm trường Thuận An	Thuận An	6,00	285,000	Tự do	-1,27	192,809	68	Đảm bảo	
27	Hồ Lâm trường Đắc Gắn	Đắc Gắn	4,00	61,250	Tự do	-2,27	17,382	28	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
28	Hồ Thác Hôn	Đức Mạnh	10,00	1.275,000	Tự do	-2,25	957,750	75	Đảm bảo	
29	Hồ Đội 2	Thuận An	4,80	288,000	Tự do	-0,55	225,781	78	Đảm bảo	
30	Hồ Đội 1	Đắc Lao		600,000	Tự do	-0,15	570,375	95	Đảm bảo	
31	Hồ Đội 35	Đắc Lao		110,000	Tự do	-0,66	89,838	82	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
32	Hồ Đội 40	Đắc Lao		102,000	Tự do	-1,85	29,468	29	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
33	Hồ Hoàng	Đắc Sắk	4,80	10,000	Tự do	-0,20	6,375	64	Đảm bảo	
VIII Huyện Cư Jút				12.110,150			4.329,600	35,75		
1	Hồ Đắc Diêr	Cư Knia	6,40	5.500,600	Tự do	-2,80	2.312,120	42	Đảm bảo	
2	Hồ Đắc Đrông	Đắc Đrông	4,00	3.766,700	Cửa van	-3,36	1.012,390	27	Không đảm bảo	Cuối vụ
3	Hồ Buôn Buôr	Tâm thắng	1,40	298,520	Cửa van	-2,00	266,870	89	Đảm bảo	
4	Hồ Cư Pu	Nam Dong	6,50	424,000	Tự do	-6,35	6,850	2	Không đảm bảo	
5	Hồ Tiểu Khu 839	Đắc Wil	3,10	194,250	Tự do	-2,10	60,810	31	Đảm bảo	
6	Hồ Tiểu Khu 840	Đắc Wil	6,05	614,060	Tự do	-2,60	280,130	46	Đảm bảo	
7	Hồ Ea Dier	Đắc Đrông	3,90	392,520	Tự do	-3,50	61,060	16	Không đảm bảo	Cuối vụ
8	Hồ Trúc Sơn	Trúc Sơn	6,70	919,500	Cửa van	-3,70	329,370	36	Không đảm bảo	Cuối vụ
9	Trạm bơm Ea Pô	Ea Pô							Không đảm bảo	Cuối vụ
170	TỔNG CỘNG:			126.439,310			101.230,248	80,06		